



CÔNG TY CP VẬN TẢI 1
TRACO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/19.TTr-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải 1 Traco;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán kèm theo Tờ trình này với những nội dung tóm tắt sau:

1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
2. Báo cáo kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua!

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Các đơn vị;
- Lưu Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tài 1 Traco (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Nhợi	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Hưng	Uỷ viên
Bà Đỗ Thị Bích Thuý	Uỷ viên
Ông Đỗ Minh Tuấn	Uỷ viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Nhợi	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Duy Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Nhợi	Chủ tịch HĐQT
---------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI I TRACO
Số 271 Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Nhội
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 03 năm 2019

101
2019
A.F
/16



Số. 064/VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Hồng Hiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐK HN kiểm toán số: 1117-2018-156-1

Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐK HN kiểm toán số: 1953-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 14 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.617.864.382	264.942.753.882
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	55.681.505.718	13.364.734.134
1. Tiền	111		55.681.505.718	13.364.734.134
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.028.498.001	225.333.721.590
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	186.090.682.511	199.857.039.120
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.836.651.497	11.080.523.597
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.598.115.543	23.114.971.340
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(9.496.951.550)	(8.718.812.467)
III. Hàng tồn kho	140	8	19.426.233.463	25.436.698.686
1. Hàng tồn kho	141		19.426.233.463	25.436.698.686
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.481.627.200	807.599.472
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	173.126.661	250.935.038
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.308.500.539	556.664.434
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.249.566.128	90.027.859.852
I. Tài sản cố định	220		70.180.273.460	70.655.148.646
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	67.035.273.463	67.655.148.646
- Nguyên giá	222		101.752.034.345	98.688.263.690
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.716.760.882)	(31.033.115.044)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.144.999.997	3.000.000.000
- Nguyên giá	228		3.160.000.000	3.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.000.003)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		464.442.078	2.040.811.423
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	464.442.078	2.040.811.423
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253		1.500.000.000	1.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		15.104.850.590	15.831.899.783
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	15.104.850.590	15.831.899.783
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		367.867.430.510	354.970.613.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		257.624.369.552	251.858.539.588
I. Nợ ngắn hạn	310		253.424.369.552	247.658.539.588
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	119.069.602.920	91.057.448.391
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		132.826.024	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.640.313.921	1.252.718.183
4. Phải trả người lao động	314		23.755.471.785	24.702.618.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	23.918.164.786	22.699.384.272
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	6.692.568.938	2.007.043.876
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	61.463.100.000	93.682.572.661
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.937.019.122	6.471.263.004
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.815.302.056	5.785.491.076
II. Nợ dài hạn	330		4.200.000.000	4.200.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	4.200.000.000	4.200.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.243.060.958	103.112.074.146
I. Vốn chủ sở hữu	410		110.243.060.958	103.112.074.146
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	39.935.430.000	38.337.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.935.430.000	38.337.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	4.318.054.800	3.040.102.800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	18	800.752.380	800.752.380
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	43.145.331.911	41.705.870.931
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	22.008.491.867	19.192.358.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.498.761.962	11.164.482.124
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.509.729.905	8.027.875.911
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		367.867.430.510	354.970.613.734



Nguyễn Văn Nhội
Chủ tịch HĐQT
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Trần Thị Hải Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Giang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.176.412.930.790	853.192.013.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1.176.412.930.790	853.192.013.058
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.075.781.947.977	761.881.601.947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	100.630.982.813	91.310.411.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.068.780.030	1.877.251.795
7. Chi phí tài chính	22	6.436.150.057	3.835.295.223
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	5.763.222.290	3.569.913.998
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	79.776.515.307	73.824.759.259
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	16.487.097.479	15.527.608.424
10. Thu nhập khác	31	6.077.342.288	4.161.968.384
11. Chi phí khác	32	5.049.585.967	1.349.547.717
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1.027.756.321	2.812.420.667
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	17.514.853.800	18.340.029.091
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.011.580.895	3.923.083.180
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14.503.272.905	14.416.945.911
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.666	2.806



Nguyễn Văn Nhội
Chủ tịch HĐQT
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Trần Thị Hải Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Giang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.514.853.800	18.340.029.091
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	5.976.436.947	4.634.480.694
Các khoản dự phòng	03	778.139.083	2.581.480.046
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(91.359.065)	(183.634.783)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.378.037.585)	(1.630.930.277)
Chi phí lãi vay	06	5.763.222.920	3.569.913.998
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.563.256.100	27.311.338.769
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.911.512.424	(53.489.613.547)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	6.010.465.223	7.752.340.597
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.841.012.002	32.205.235.312
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(578.071.135)	8.024.363.753
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.700.594.170)	(3.174.736.128)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.011.580.895)	(3.979.918.566)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.409.650.000)	(290.954.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	81.626.349.549	14.358.055.690
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.556.062.872)	(49.716.719.477)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	295.454.544	263.636.367
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.513.881.575)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.513.881.575
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.096.382.202	1.367.293.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.164.226.126)	(48.085.789.200)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.875.392.000	2.738.466.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	124.554.375.350	166.252.780.312
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(156.773.848.011)	(162.488.851.242)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.785.881.000)	(6.085.510.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.129.961.661)	416.885.070
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	42.332.161.762	(33.310.848.440)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.364.734.134	46.555.989.894
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.390.178)	119.592.680
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	55.681.505.718	13.364.734.134

Nguyễn Văn Nhội
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Trần Thị Hải Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Giang
Người lập